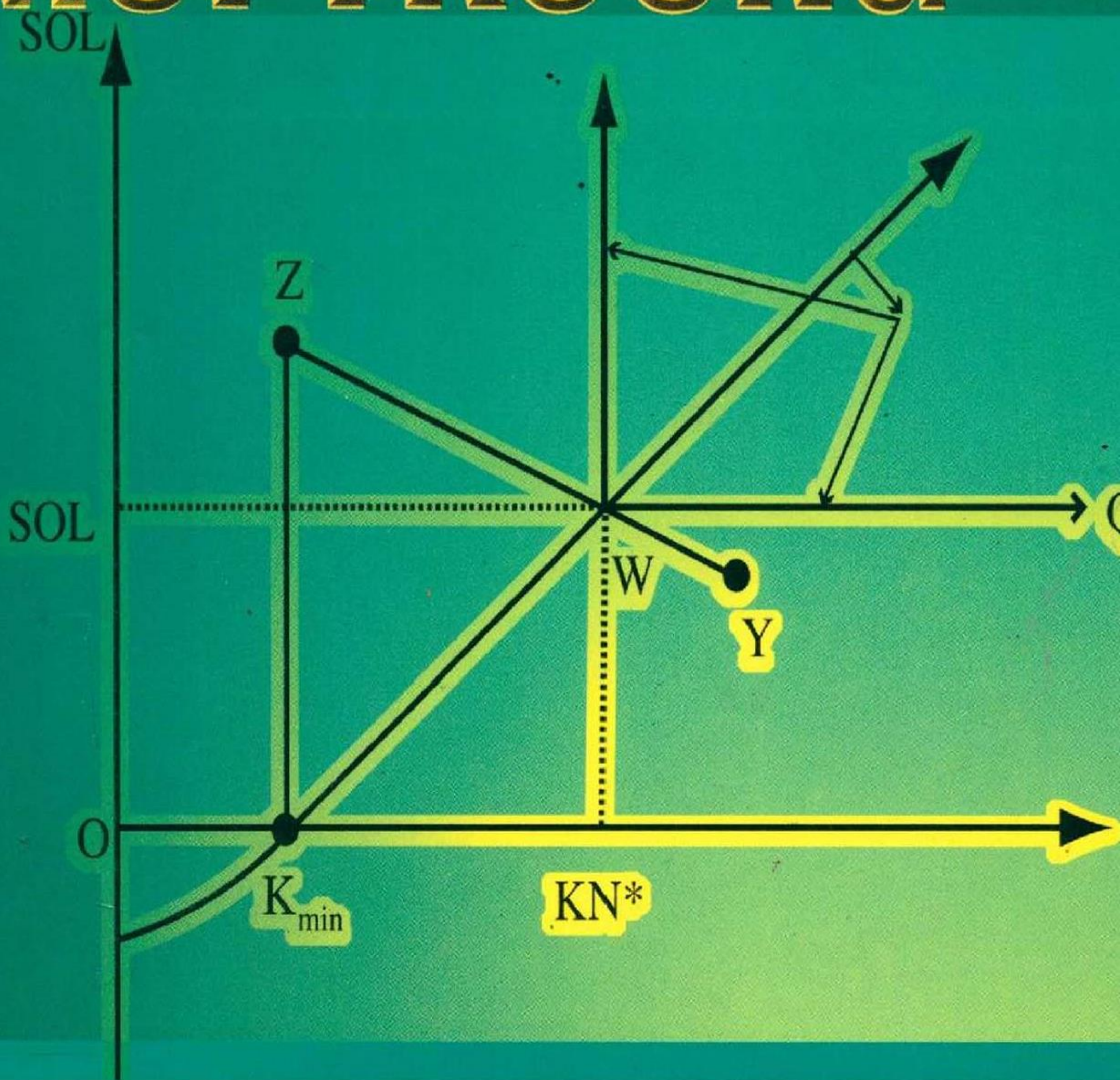




GT.0000027556

S.TS HOÀNG XUÂN CƠ

GIÁO TRÌNH KINH TẾ MÔI TRƯỜNG



NGUYÊN
C LIỆU
7



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Lời giới thiệu

Ngày nay, cùng với sự phát triển của khoa học - công nghệ đã xuất hiện những lĩnh vực khoa học, môn học mới có sự kết hợp kiến thức của nhiều ngành khoa học truyền thống. Kinh tế môi trường là một lĩnh vực khoa học thuộc loại này, là lĩnh vực có sự gắn kết chặt chẽ giữa kiến thức kinh tế và môi trường nhằm giải quyết những vấn đề có tính thời sự trong phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, hướng tới phát triển bền vững.

Kinh tế môi trường đã trở thành môn học được giảng dạy ở nhiều trường đại học, cao đẳng cũng như ở các Khoa Kinh tế và môi trường trên thế giới và trong nước.

Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà xuất bản Giáo dục và cá nhân tôi rất vui mừng giới thiệu giáo trình "Kinh tế môi trường" do PGS. TS. Hoàng Xuân Cơ soạn thảo làm tài liệu giảng dạy, tham khảo cũng như nghiên cứu môi trường trong các trường đại học, cao đẳng và các đơn vị nghiên cứu khác.

Xin chúc mừng và cảm ơn PGS. TS. Hoàng Xuân Cơ đã cố gắng hoàn thành và xuất bản được một giáo trình có thể dùng chung ở nhiều trường đại học, cao đẳng, các khoa không chuyên về lĩnh vực kinh tế. Chất lượng giáo trình sẽ được thẩm định thông qua ý kiến đánh giá của những người sử dụng nhưng chúng tôi tin rằng tài liệu được biên soạn công phu này sẽ đóng góp không nhỏ cho việc giảng dạy và nghiên cứu lĩnh vực kinh tế môi trường.

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2005

THỨ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

GS. TSKH. Trần Văn Nhung

PGS.TS. HOÀNG XUÂN CƠ

GIÁO TRÌNH

KINH TẾ MÔI TRƯỜNG

(Tái bản lần thứ sáu)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MỞ ĐẦU

Kinh tế môi trường là một lĩnh vực mới không chỉ riêng ở Việt Nam mà còn cả trên toàn thế giới. Vào những năm cuối thế kỷ XX, lĩnh vực này mới được nhiều nhà khoa học tập trung nghiên cứu và đã cho ra đời nhiều công trình lớn. Tầm quan trọng của kinh tế môi trường thể hiện ở hai hướng tiếp cận chính : Thứ nhất, nghiên cứu áp dụng các công cụ, chính sách kinh tế để giải quyết vấn đề khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường ; thứ hai, tìm cách hạch toán chi phí, lợi ích môi trường trong hạch toán kinh tế các dự án phát triển. Chính vì vậy, kinh tế môi trường đã được giảng dạy ở một số khoa, trường đại học và nhiều khoá học chuyên đề.

Giáo trình *Kinh tế môi trường* được trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội nghiệm thu làm tài liệu giảng dạy cho cả hệ đại học và sau đại học ngành Môi trường. Nội dung giáo trình được trình bày trong 7 chương, gồm hai phần chính :

- Phần nguyên lý chung về kinh tế bao gồm ba chương đầu. Do đối tượng học không phải là sinh viên chuyên ngành kinh tế nên chương I cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về kinh tế, đặc biệt là kinh tế vi mô. Chương II tập trung nghiên cứu ô nhiễm môi trường dưới góc độ kinh tế, các hướng tiếp cận, sử dụng công cụ kinh tế nhằm giảm thiểu phát thải ô nhiễm. Chương III trình bày hướng sử dụng tài nguyên tối ưu theo quan điểm kinh tế môi trường, đó là đạt cực đại hoá lợi nhuận mà không làm cạn kiệt tài nguyên tái tạo và khai thác triệt để tài nguyên không tái tạo, song song với tìm kiếm tài nguyên thay thế và định giá tài nguyên hợp lý.

- Phần kinh tế môi trường ứng dụng gồm bốn chương cuối. Phần này trình bày rõ hơn khả năng áp dụng các công cụ kinh tế để giải quyết một số vấn đề môi trường (chương IV) ; khả năng thu phí ô nhiễm môi trường trong điều kiện Việt Nam (chương V) ; khả năng ước tính, định giá tài nguyên môi trường (chương VI) và kinh nghiệm áp dụng kinh tế môi trường trong ngành thuỷ sản thế giới (chương VII).

Do kinh tế Việt Nam mới chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa lâu nên chưa có tổng kết mang tính lý luận và thực tiễn. Chính vì vậy, nội dung, kiến thức trình bày trong giáo trình chủ

yếu được chất lọc từ các công trình nước ngoài, có minh họa thêm trên cơ sở những gì đang diễn ra ở Việt Nam.

Nội dung giáo trình này có sự kế thừa từ giáo trình cùng tên do GS. Lê Thạc Cán ; Nguyễn Duy Hồng - giảng viên chính của trường Đại học Kinh tế Quốc dân và tác giả biên soạn, đã được Viện Đại học Mở Hà Nội in từ năm 1996 làm tài liệu giảng dạy và thu băng phát trên chương trình đào tạo từ xa của Đài tiếng nói Việt Nam. Để hoàn thành giáo trình này, tác giả đã tham gia nhiều khoá học về kinh tế môi trường trong và ngoài nước. Ngoài sử dụng làm tài liệu giảng dạy ở trường Đại học Khoa học Tự nhiên, giáo trình còn được giảng dạy ở trường Đại học Nông nghiệp I, trường Đại học Đông Đô, ...

Tác giả tỏ lòng biết ơn sự giúp đỡ của tất cả các thầy cô giáo, đồng nghiệp và các em sinh viên để giáo trình được hoàn thiện. Đặc biệt, tác giả chân thành cảm ơn ThS. Nguyễn Phương Loan, ThS. Bùi Thanh Huyền, ThS. Đàm Duy Ân, ThS. Nguyễn Thị Thuý Hằng, ThS. Hoàng Thị Quy, ... đã cung cấp tài liệu, sửa bản thảo và góp ý kiến hoàn thiện giáo trình.

Tác giả chân thành cảm ơn những người đã đọc, thẩm định, phản biện giáo trình, cảm ơn Nhà xuất bản Giáo dục đã giúp đỡ xuất bản và phổ biến giáo trình.

Trong quá trình biên soạn chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót. Tác giả rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô giáo, các bạn đồng nghiệp, các em sinh viên và bạn đọc để lần tái bản sau giáo trình hoàn thiện hơn.

TÁC GIẢ

Chương 1

KINH TẾ VI MÔ VÀ KINH TẾ MÔI TRƯỜNG

Giáo trình này được biên soạn dành cho đối tượng là sinh viên và bạn đọc chưa được học qua các giáo trình kinh tế nói chung, kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô nói riêng. Vì vậy, phần này sẽ tóm tắt một số nội dung cơ bản của kinh tế vi mô giúp đi sâu phân tích những vấn đề kinh tế môi trường liên quan ở các phần sau.

1.1. TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ HỌC VI MÔ

1.1.1. Kinh tế vi mô

Kinh tế học bao gồm hai bộ phận quan trọng : kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô. Hai bộ phận này không tách biệt mà gắn kết với nhau, quy định, thúc đẩy lẫn nhau và cùng góp phần phát triển nền kinh tế của quốc gia. Khác biệt cơ bản giữa hai bộ phận này là quy mô nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu. Kinh tế vĩ mô quan tâm tới mục tiêu phát triển kinh tế ở quy mô lớn hơn - quy mô quốc gia. Kết quả nghiên cứu kinh tế vĩ mô sẽ là tiền đề, định hướng và nhằm cải thiện kết quả hoạt động của toàn bộ nền kinh tế nói chung và của ngành kinh tế nói riêng. Trong khi đó, kinh tế vi mô tập trung nghiên cứu các tế bào của nền kinh tế và các vấn đề kinh tế cụ thể. Đó là các cá nhân, các hãng, các doanh nghiệp tham gia và tạo nên nền kinh tế quốc gia. Lý thuyết kinh tế vi mô sẽ giúp họ lựa chọn và quyết định ba vấn đề kinh tế cơ bản cho mình nhằm thu lợi nhuận cao, có sức mạnh cạnh tranh trên thị trường, đó là :

- Sản xuất cái gì ?
- Sản xuất như thế nào ?
- Sản xuất cho ai ?

Để phát triển kinh tế, kinh tế vĩ mô phải đưa ra được định hướng đúng, phải tạo được điều kiện, hành lang, môi trường, ... cho kinh tế vi mô phát triển. Ngược lại, khi kinh tế vi mô phát triển, nghĩa là các doanh nghiệp, các tế bào hoạt động tốt thì nền kinh tế vĩ mô sẽ đạt được kết quả tốt.

Vì vậy, trong quản lý kinh tế phải giải quyết tốt cả vấn đề kinh tế vĩ mô và kinh tế vi mô. Nếu chỉ tập trung nghiên cứu một vấn đề sẽ không những

ảnh hưởng tới vấn đề kia mà còn không bền vững, có khi dẫn tới phát triển kinh tế lệch lạc.

Hoạt động kinh tế vĩ mô hay kinh tế vi mô đều có tác động tới môi trường. Những quyết định, chính sách phát triển quốc gia sẽ ảnh hưởng tới môi trường với quy mô lớn, trong khi hoạt động của một doanh nghiệp chỉ ảnh hưởng tới khu vực xung quanh trong phạm vi hẹp. Vì vậy, để có thể nghiên cứu các vấn đề kinh tế môi trường, phải có cả kiến thức về kinh tế vĩ mô và kinh tế vi mô. Song, trong phạm vi giáo trình này, vấn đề kinh tế vi mô sẽ được xem xét kỹ hơn, làm tiền đề cho nghiên cứu môi trường.

Kinh tế vi mô là một môn khoa học thuộc lĩnh vực kinh tế, là một môn khoa học cơ bản cung cấp kiến thức lý luận và phương pháp kinh tế trong quản lý doanh nghiệp của các ngành kinh tế quốc dân [5]. Doanh nghiệp được coi là một tế bào kinh tế, là đối tượng sẽ vận dụng lý luận kinh tế vi mô để chọn ba vấn đề cơ bản của mình : sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào và sản xuất cho ai.

1.1.2. Những vấn đề kinh tế cơ bản của doanh nghiệp

Doanh nghiệp là một đơn vị kinh doanh hàng hoá, dịch vụ theo nhu cầu thị trường và xã hội để đạt lợi nhuận tối đa ; đạt hiệu quả kinh tế, xã hội cao nhất [5]. Hiện tại, có nhiều cách phân loại doanh nghiệp : theo kinh tế, theo quản lý, theo hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, theo quy mô, ... Để hoạt động tốt, các công ty phải được bình đẳng trước pháp luật, được hoạt động kinh doanh theo cơ chế thị trường dưới sự quản lý của nhà nước. Hiện nay, thường tồn tại hai loại công ty, thực chất là hai loại doanh nghiệp cơ bản ; đó là, công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần. Sự khác biệt giữa hai loại công ty này ở chỗ : vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn phải được các thành viên đóng góp đủ ngay từ khi thành lập và không được phát hành bất kỳ một loại chứng khoán nào. Tuy nhiên, có thể chuyển nhượng phần góp vốn giữa các thành viên một cách tự do. Trong công ty cổ phần, vốn điều lệ được chia thành nhiều cổ phần bằng nhau, có giá trị bằng mệnh giá cổ phiếu, các cổ đông có thể mua một hoặc nhiều cổ phần bằng nhau có giá trị bằng mệnh giá cổ phiếu. Ở nước ta hiện nay, các doanh nghiệp đã được hình thành và đi vào hoạt động theo các loại hình trên. Chính phủ cũng đang hoàn thiện dần luật pháp, ban hành Luật Doanh nghiệp làm cơ sở pháp lý cho hoạt động của các doanh nghiệp.

Trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp luôn phải lựa chọn, đi đến quyết định những vấn đề cơ bản sau :

1. *Quyết định sản xuất cái gì ?*

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng tới việc quyết định sản xuất cái gì, cụ thể là mặt hàng gì, dịch vụ gì, vào lúc nào và số lượng bao nhiêu. Song, yếu tố ảnh hưởng chính là nhu cầu của xã hội và khả năng của doanh nghiệp. Nhu cầu của thị trường đối với hàng hoá, khả năng tiêu thụ, khả năng thanh toán của thị trường là những điểm doanh nghiệp cần nắm bắt. Nghĩa là, doanh nghiệp phải luôn nắm bắt được quy luật hoạt động của thị trường, có chính sách tiếp thị tốt, có thông tin tốt thì sẽ có quyết định đúng để sản xuất cái gì và hiệu quả kinh tế sẽ cao. Tất nhiên, việc lựa chọn sản xuất cái gì còn phụ thuộc vào khả năng của doanh nghiệp, đó là : điều kiện sản xuất, cung ứng dịch vụ, vốn, chi phí sản xuất, ...

Như vậy, khi lựa chọn sản xuất cái gì doanh nghiệp phải tính toán và đáp ứng được đầu vào với giá thành và lượng tiêu thụ đủ lớn, giá thị trường ở mức cao. Nói cách khác, doanh nghiệp phải nắm vững hoạt động và dự đoán được thay đổi cung, cầu ; sức cạnh tranh trên thị trường để lựa chọn và quyết định sản xuất cái gì.

2. *Quyết định sản xuất như thế nào ?*

Thật ra, khi quyết định sản xuất cái gì, doanh nghiệp cũng đã cân nhắc tới việc sản xuất như thế nào. Đây là bước lựa chọn công nghệ sản xuất sao cho giá thành thấp nhất. Muốn vậy, cần quan tâm tới tài nguyên, nhiên liệu hoặc hàng hoá đầu vào, thiết bị, công nghệ sản xuất, đội ngũ lao động, ... Trong điều kiện hiện nay, vấn đề lựa chọn công nghệ hiện đại, đào tạo đội ngũ công nhân, lao động lành nghề đóng vai trò quan trọng trong sản xuất ; đảm bảo chất lượng sản phẩm tốt, đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

3. *Quyết định sản xuất cho ai ?*

Cùng với hai quyết định trên, quyết định sản xuất cho ai cũng đóng vai trò quan trọng. Ở đây, chúng ta có thể tách thành hai quy mô lựa chọn : quy mô doanh nghiệp và quy mô nhà nước. Để có lợi nhuận cao, các doanh nghiệp có xu hướng phục vụ tầng lớp có tiền, tầng lớp giàu. Nghĩa là, họ chú trọng sản xuất các mặt hàng xa xỉ phẩm, theo một nhằm thu lợi nhuận nhanh hơn là sản xuất mặt hàng phục vụ đời sống đa số nhân dân lao động. Vì vậy, nhà nước phải thể hiện rõ vai trò điều tiết của mình để hàng hoá, dịch vụ sản xuất ra được phân phối sao cho vừa đảm bảo kích thích sản xuất kinh tế có

hiệu quả cao vừa đảm bảo công bằng xã hội. Như vậy, bên cạnh mục tiêu lợi nhuận cao, việc chọn đầu ra cho sản phẩm phải kể đến vấn đề xã hội.

Ba vấn đề trên là ba câu hỏi luôn đặt ra với mọi quốc gia, mọi ngành, mọi địa phương, mọi doanh nghiệp ; nghĩa là, với mọi nền kinh tế, dù đó là kinh tế thị trường hay kinh tế kế hoạch hoá tập trung ở các nước xã hội chủ nghĩa trước đây, trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, để giải quyết ba vấn đề nêu trên, mỗi nền kinh tế có một cách tiếp cận riêng. Trong nền kinh tế thị trường, việc lựa chọn này không chỉ ở tầm vĩ mô mà còn ở tầm vi mô, nghĩa là, Nhà nước định hướng, tạo lập hành lang chính sách cho việc lựa chọn còn các doanh nghiệp có sự lựa chọn cụ thể. Khi kinh tế thị trường hoạt động tốt, cạnh tranh tự do thì việc giải quyết ba vấn đề trên mang lại kết quả tốt. Nghĩa là, hàng hoá sản xuất đa dạng về mẫu mã, chất lượng tốt, giá thành hợp lý, sức mua lớn và lợi nhuận cao. Trái lại, trong nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung, Nhà nước nắm vai trò chủ đạo trong việc giải quyết ba vấn đề nêu trên. Nhà nước quyết định phần lớn việc sản xuất mặt hàng gì, số lượng bao nhiêu, sản xuất cho ai. Các doanh nghiệp, các nhà máy chỉ sản xuất theo đơn đặt hàng với năng lực rất hạn chế. Vì vậy, hàng hoá sản xuất ra đơn điệu về mẫu mã, chất lượng hạn chế, người mua tuy được bù giá nhưng ít khi hài lòng với sản phẩm.

Từ phân tích trên, nảy sinh một vấn đề quan trọng là làm thế nào để lựa chọn, quyết định ba vấn đề đó một cách tối ưu. Vấn đề này phụ thuộc nhiều vào trình độ phát triển kinh tế - xã hội, hệ thống kinh tế và vai trò điều tiết vĩ mô cũng như chế độ chính trị của mỗi nước. Tuy nhiên, về mặt khoa học, có thể chỉ ra cơ sở để tiến hành lựa chọn, quyết định ba vấn đề kinh tế cơ bản đó là lý thuyết lựa chọn dựa trên khái niệm chi phí cơ hội.

Khái niệm chi phí cơ hội :

Trước hết, xét khả năng, nguồn lực của mỗi người, mỗi công ty, mỗi quốc gia để có thể thực hiện một công việc. Ở quy mô lớn, quy mô quốc gia, đó là đường lối và mục tiêu phát triển ; ở quy mô công ty là sản xuất hàng hoá, dịch vụ và đối với từng cá nhân là nghề nghiệp, việc làm. Trong thực tế, nguồn lực có giới hạn, nên khi sử dụng chúng vào công việc này sẽ không còn khả năng sử dụng chúng vào công việc khác. Nguồn lực bao gồm nhiều loại như : vốn, lao động, thời gian, nguyên vật liệu, công nghệ, ... Ở quy mô quốc gia, muốn lập quy hoạch phát triển kinh tế phải nắm rõ các nguồn lực mình có, nghĩa là phải điều tra, nắm rõ điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội,